

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán châu Á sau khi số liệu kém khả quan về thị trường việc làm trong tháng 8/2021 của Mỹ làm gia tăng sự lạc quan rằng Fed sẽ trì hoãn việc giảm bớt chương trình mua trái phiếu

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tích cực của chỉ số VN30

[Cập nhật công ty]

FMC, VCG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ nếu thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh sớm.

06/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,346.39	+0.88
VN30	1,441.54	+1.02
HĐTL VN30F1M	1,444.60	+1.12
HNXIndex	345.63	+0.64
HNX30	572.45	+0.57
UPCoM	94.66	+0.69
USD/VND	22,771	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.08	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.66	+8
Dầu (WTI, \$)	68.62	-0.97
Vàng (LME, \$)	1,826.79	-0.05



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,346.39 (+0.88%)
KLGD (triệu CP) 944.4 (+43.8%)
GTGD (triệu U\$) 1,239.4 (+15.2%)

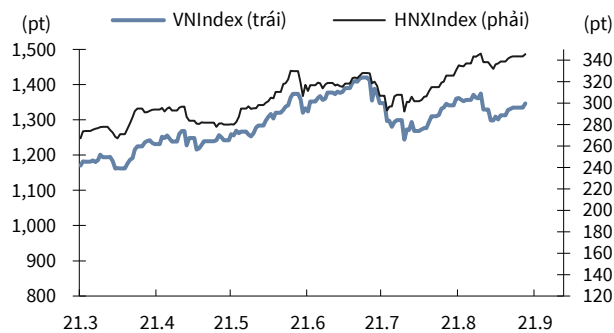
HNXIndex 345.63 (+0.64%)
KLGD (triệu CP) 194.7 (+24.5%)
GTGD (triệu U\$) 155.9 (+33.9%)

UPCoM 94.66 (+0.69%)
KLGD (triệu CP) 131.6 (+31.3%)
GTGD (triệu U\$) 101.6 (+29.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -14.9

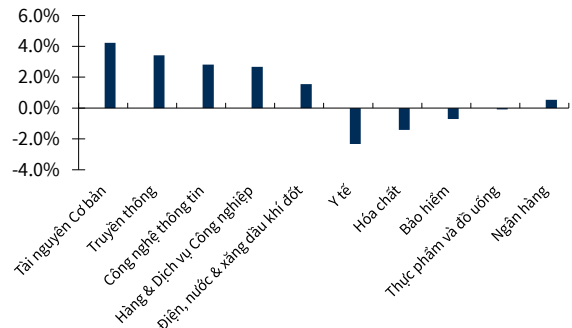
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường chứng khoán châu Á sau khi số liệu kém khả quan về thị trường việc làm trong tháng 8/2021 của Mỹ làm gia tăng sự lạc quan rằng Fed sẽ trì hoãn việc giảm bớt chương trình mua trái phiếu. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, trong tháng 8 xuất khẩu thủy sản chỉ đạt 520 triệu USD, giảm 36% so với cùng kỳ và dự báo xuất khẩu thủy sản trong tháng 9 sẽ tiếp tục giảm ít nhất 20% YoY, đạt khoảng 669 triệu USD khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá ở FMC (-1.4%). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG (+5.4% YoY), HPG (+4.1% YoY) trước thông tin nhiều nhà máy sản xuất thép tại Trung Quốc bị buộc cắt giảm 30% sản lượng trong tháng 9 để cải thiện chất lượng không khí. Theo CBRE, trong quý II, giá bán căn hộ sơ cấp trung bình tại Hà Nội ở mức 1,472 USD/m² (+7% YoY) và tại TP HCM, giá bán trung bình đạt mức 2,260 USD/m² (+16,5% YoY), trong khi phân khúc hạng sang và trung cấp ghi nhận mức tăng giá cao lần lượt là 9.2% và 8.3% YoY, tác động tích cực đến giá cổ phiếu nhóm BĐS ở KDH (+4.2%), VHM (+1.3%). Khối ngoại bán ròng ở VHM (+1.3%), VNM (+0.2%), MSN (-1.7%).

VNIndex & HNXIndex



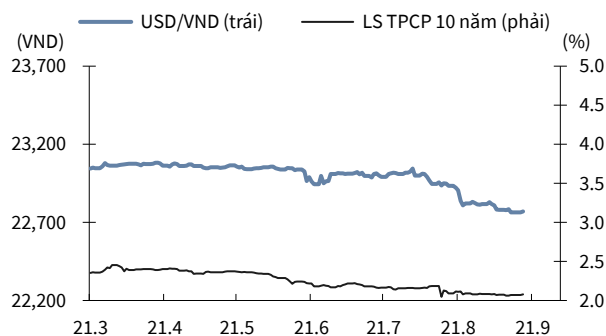
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



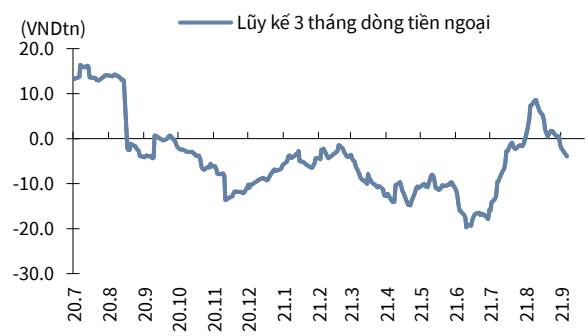
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

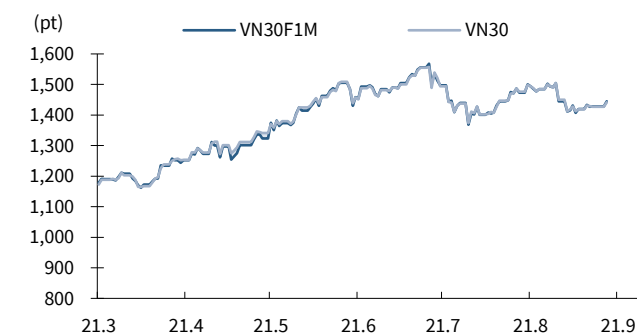
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,441.54 (+1.02%)
VN30F1M	1,444.6 (+1.12%)
Mở cửa	1,433.8
Cao nhất	1,445.0
Thấp nhất	1,431.0

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tích cực của chỉ số VN30. F2109 biến động tích cực hơn chỉ số VN30 kể từ giữa phiên sáng, chênh lệch trong biên độ -0.58 và 10.06 điểm trước khi đóng cửa ở mức 3.06 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên với thanh khoản giảm.

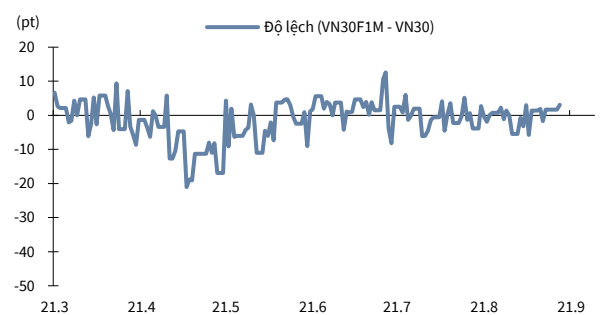
KLGD (HĐ)	146,621 (-31.2%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



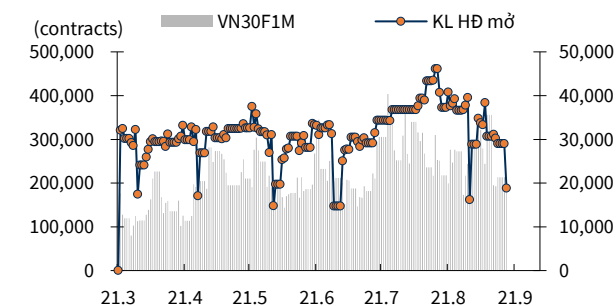
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



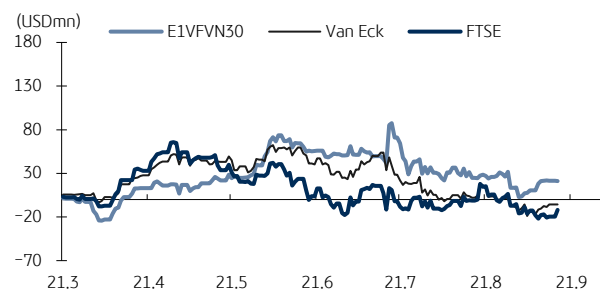
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

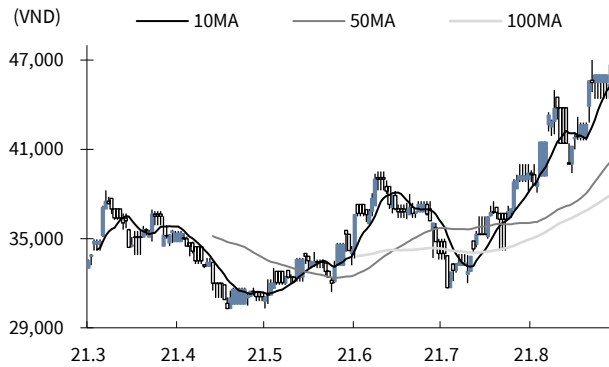
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Thực phẩm Sao Ta (FMC)

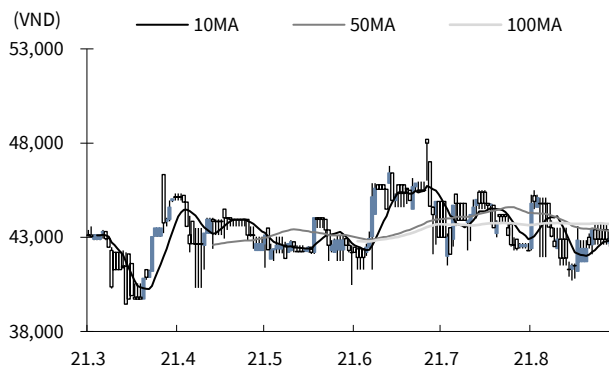


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FMC giảm 1.4% xuống 45,350 VND/cp

- CTCP Thực phẩm Sao Ta công bố kết quả kinh doanh tháng 8 với sản lượng sản xuất tôm đạt 1,618 tấn tôm (-32% YoY) và sản lượng tiêu thụ đạt 259 tỷ đồng (-56% YoY). Trong giai đoạn này, doanh nghiệp tập trung chế biến thô để tôm nuôi không bị đùn ú, hư hỏng và sẵn sàng nguyên liệu cho chế biến tinh sau này.

Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 0.2% lên 43,000 VND/cp

- Vinaconex công bố BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2021 với lợi nhuận đạt 249 tỷ đồng (-40% YoY), tương ứng giảm 11% so với tự lập do giảm hoàn nhập dự phòng phải thu và điều chỉnh lợi nhuận một số công ty con và liên kết trong khi doanh thu đạt 2,341 tỷ đồng (-8% YoY), biến động không đáng kể so với trước soát xét,

KBNN sử dụng nguồn ngân quỹ nhàn rỗi mua lại có kỳ hạn Trái phiếu Chính Phủ

KBNN sử dụng nguồn ngân quỹ nhàn rỗi mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính Phủ

- Theo thông báo từ Kho bạc Nhà nước, tổng hạn mức sử dụng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi để mua lại có kỳ hạn TPCP trong quý 3 là 59,237 tỷ đồng. Trong quá trình thực hiện, Kho bạc Nhà nước có thể điều chỉnh khối lượng mua lại các kỳ hạn cho phù hợp với khả năng ngân quỹ tạm thời nhàn rỗi và tình hình thị trường.
- Kho bạc Nhà nước thông báo dự kiến Lịch biểu tổ chức mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ trong tuần từ 06/09/2021 đến 10/09/2021 như sau:

Tổ chức giao dịch	Kỳ hạn giao dịch					
	Ngày	7 ngày	14 ngày	21 ngày	2 tháng	3 tháng
06/09/2021			x	x	x	x
07/09/2021			x	x		
08/09/2021	x		x	x		
09/09/2021			x	x	x	
10/09/2021			x	x	x	x

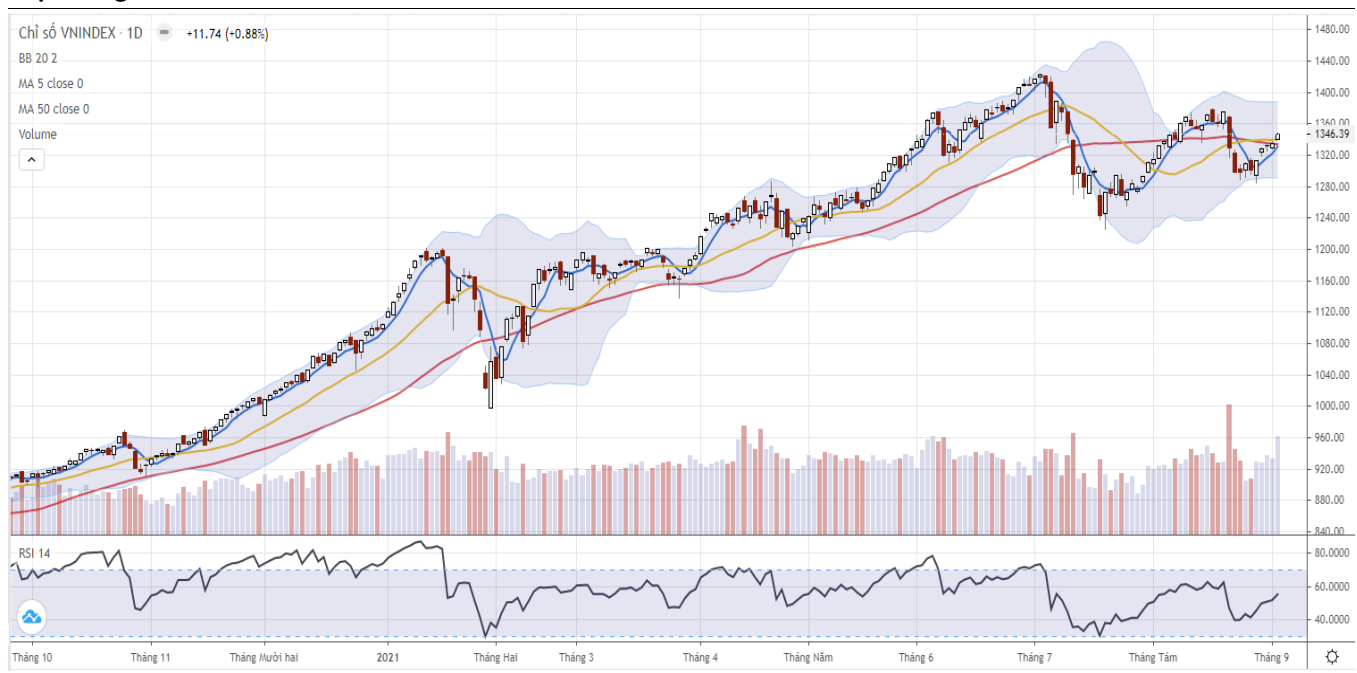
Thông tư mới giúp KBNN sử dụng nguồn ngân quỹ tạm thời nhàn rỗi một cách hiệu quả và các NHTM có thêm kênh huy động vốn mới trên thị trường.

- Với quy mô ngân quỹ nhàn rỗi đạt 59,237 tỷ đồng sẵn sàng cho việc mua lại có kỳ hạn TPCP, chúng tôi cho rằng mục đích chính của kênh bơm tiền mới này là tạo thanh khoản của TPCP trên thị trường thứ cấp, từ đó tác động hỗ trợ trở lại đối với hoạt động phát hành TPCP của KBNN trên thị trường sơ cấp. Trong bối cảnh thanh khoản trên thị trường TPCP các tháng gần đây đều có dấu hiệu suy giảm đáng kể, tính tới cuối tháng 8 tổng giao dịch thứ cấp đạt 181,466 tỷ đồng (-19.5% MoM), và đặc biệt nhu cầu đầu tư vào thị trường trái phiếu của khối ngoại đã giảm dần khi lợi suất TPCP 10 năm của Việt Nam đã không còn ở mức hấp dẫn như trước.
- Bên cạnh đó, việc mua lại có kỳ hạn TPCP giúp đảm bảo tính công khai, minh bạch hoạt động quản lý Ngân sách Nhà nước bởi giao dịch được thực hiện theo hình thức đấu thầu điện tử trên hệ thống giao dịch của sở giao dịch chứng khoán và các thông tin chi tiết được công bố trên trang thông tin điện tử của KBNN.
- Thông qua kênh mua lại có kỳ hạn TPCP, NHTM có thể thêm được nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của KBNN và kết hợp với chiến lược của SBV lúc này là duy trì thanh khoản hệ thống ở mức dồi dào nhằm hỗ trợ nền kinh tế khi khu vực sản xuất vẫn còn yếu với chỉ số IIP và PMI đều suy giảm mạnh để tránh những cú sốc không cần thiết.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

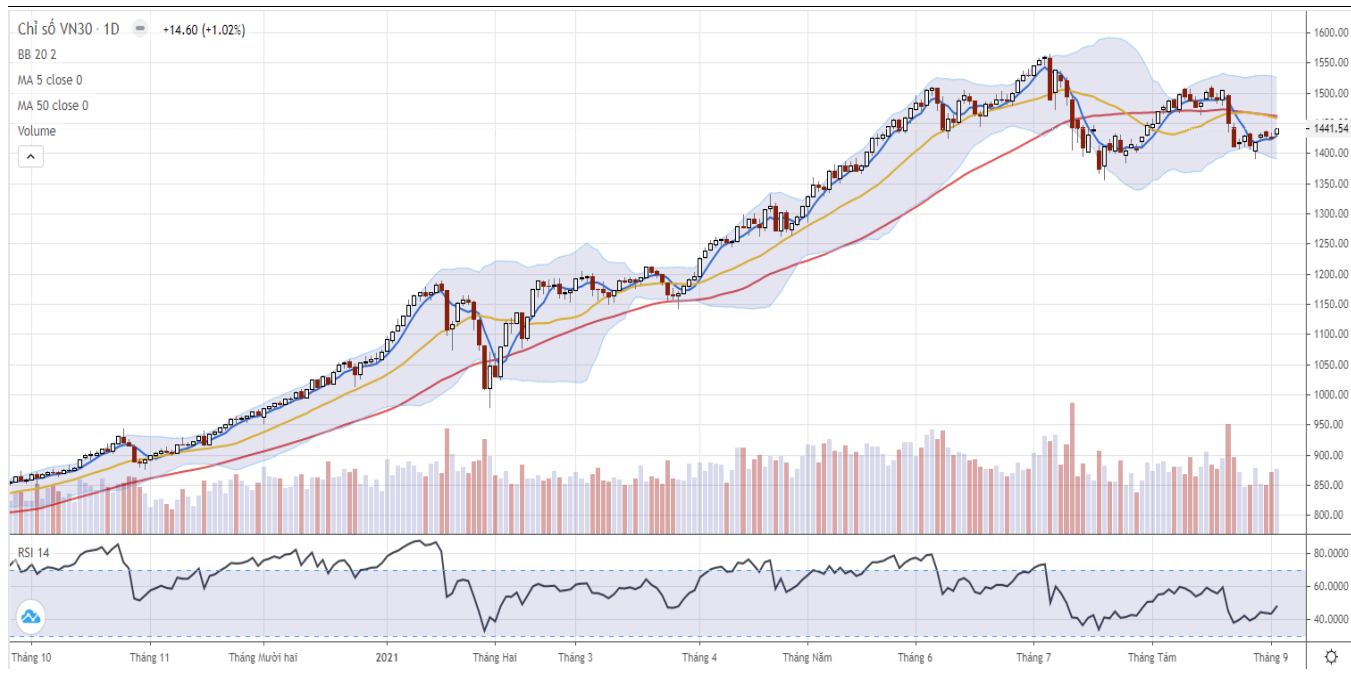
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên với đà tăng dần mở rộng về cuối phiên.
- Xung lực tăng tích cực cùng thanh khoản cải thiện đã giúp chỉ số chớm vượt vùng cản gần quanh 1340, hiện đã đảo vai trò trở thành điểm đỡ gần cho VNIndex. Với xu hướng hồi phục đang đóng vai trò chủ đạo, chỉ số nhiều khả năng sẽ mở rộng thêm đà tăng điểm trước khi gặp áp lực rung lắc rõ nét hơn tại vùng cản kế tiếp tại 136x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn, kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ nếu thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh sớm.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1465 - 1470

Kháng cự gần: 1454 - 1458

Hỗ trợ gần: 1440 - 1442

Hỗ trợ xa: 1434 - 1438

- F1 tạo gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và dần mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Xung lực tăng điểm tích cực đang giúp F1 tiến lên sát cận trên của vùng cản gần tại quanh 1440 với cơ hội vượt thành công được đánh giá cao. Với xu hướng hồi phục đang đóng vai trò chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng đà tăng điểm trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn tại vùng kháng cự kế tiếp tại 146x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế LONG nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

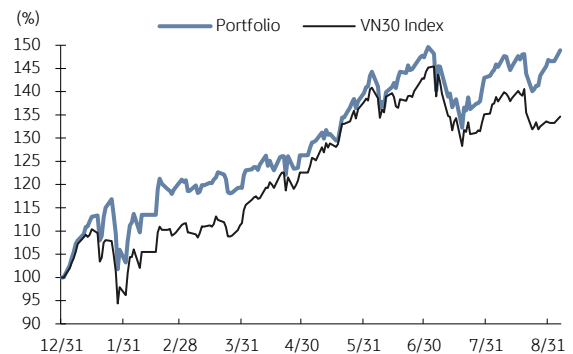
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.02%	1.58%
Tăng lũy kế (YTD)	34.63%	48.92%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	111,000	0.7%	42.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	45,700	5.5%	77.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	86,500	1.4%	11.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,300	1.4%	121.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	66,200	-0.5%	95.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	94,900	2.7%	217.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,050	0.0%	69.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	90,400	2.0%	20.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	51,200	4.1%	239.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	41,800	-1.6%	210.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MBB	1.4%	22.5%	89.9
HSG	7.0%	10.9%	45.5
VND	0.0%	19.4%	41.4
HPG	4.1%	26.3%	36.3
VCB	0.6%	23.5%	32.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	1.3%	23.5%	-380.1
VNM	0.2%	54.9%	-76.7
MSN	-1.7%	33.1%	-61.2
VIC	1.0%	14.8%	-38.0
SSI	-2.0%	47.0%	-32.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.2%	0.9%	12.4
VCS	-2.6%	3.8%	5.0
NSH	2.4%	0.4%	4.3
PV2	8.8%	0.2%	2.7
BAX	0.5%	12.0%	2.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PMC	0.0%	16.4%	-42.8
PVS	1.9%	7.4%	-4.2
NVB	1.1%	8.6%	-3.6
NTP	0.0%	18.8%	-1.7
SHS	-0.8%	8.8%	-3.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.3%	GEX, REE
Hóa chất	10.8%	GVR, DGC
Xây dựng và Vật Liệu	9.7%	VGC, HT1
Ô tô và phụ tùng	8.7%	TCH, DRC
Truyền thông	8.6%	ADG, YEG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%	PAN, MSN
Ngân hàng	0.1%	VIB, BID
Du lịch và Giải trí	0.2%	VJC, SCS
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.3%	PNJ, TCM
Dịch vụ tài chính	2.2%	SSI, VND

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	15.6%	GVR, DGC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	14.1%	REE, GEX
Xây dựng và Vật Liệu	14.1%	VGC, HT1
Dịch vụ tài chính	11.4%	SSI, VIC
Y tế	10.8%	DHG, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-4.3%	BID, CTG
Dầu khí	-2.7%	PLX, PVD
Bất động sản	-2.3%	VIC, VHM
Thực phẩm và đồ uống	-0.9%	PAN, MSN
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%	PNJ, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	253,411 (11.1)	22.5	60.5	59.1	14.7	7.0	8.0	4.1	3.7	1.0	2.0	-5.7	-1.2
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	1,559,829 (68.4)	26.6	11.5	10.2	35.9	28.3	27.0	3.1	2.4	1.3	1.7	-4.8	21.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	117,901 (5.2)	17.8	26.5	19.6	-7.6	7.5	10.0	2.1	1.9	0.7	6.2	0.5	-10.5
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	284,251 (12.5)	31.3	35.9	25.9	6.7	16.0	14.4	4.4	4.1	0.1	1.1	-2.5	117.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	138,751 (6.1)	11.6	23.4	16.7	18.0	12.9	15.8	2.7	2.3	4.2	7.3	-1.1	53.7
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	153,995 (6.7)	13.9	11.3	8.4	-	16.3	18.5	1.7	1.4	3.6	9.6	-0.9	43.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	141,167 (6.2)	6.3	16.8	14.1	11.7	21.1	20.9	3.2	2.6	0.6	3.3	1.9	2.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	84,973 (3.7)	12.7	16.9	12.0	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	0.3	1.3	-8.9	-18.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	824,654 (36.1)	0.0	10.2	8.5	14.3	20.5	20.3	1.9	1.5	1.3	1.3	-5.5	55.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	510,790 (22.4)	1.4	9.2	7.4	61.1	18.6	20.0	1.7	1.4	0.0	2.7	-6.1	19.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	576,962 (25.3)	0.0	9.7	10.0	18.8	23.6	16.8	1.8	1.5	-0.7	0.5	0.8	88.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	502,789 (22.0)	0.0	9.0	7.5	14.6	22.1	21.7	1.6	1.4	1.4	0.7	-4.6	67.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	84,015 (3.7)	4.2	9.6	8.0	23.3	21.4	20.8	1.8	1.5	2.7	-1.9	-5.9	38.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	597,992 (26.2)	14.0	18.9	13.9	26.5	10.3	12.6	-	-	1.3	1.7	-9.1	63.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	149,947 (6.6)	0.0	7.8	6.6	37.5	23.2	21.5	1.6	1.3	1.8	2.1	-2.0	29.9
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	11,591 (0.5)	0.2	36.1	19.6	27.3	5.8	10.0	1.7	1.6	-0.4	2.9	-7.4	29.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,404 (2.6)	21.0	24.4	21.7	15.8	8.4	9.0	2.0	1.9	-0.7	7.2	4.8	-14.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	34,408 (1.5)	14.2	12.1	-	9.1	13.1	-	1.5	-	-1.2	3.8	1.8	34.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	952,732 (41.7)	55.4	20.3	18.2	-3.2	17.3	17.7	-	-	-2.0	-1.8	6.4	81.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	372,058 (16.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.8	4.6	12.7	110.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	367,551 (16.1)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	1.3	6.3	12.8	77.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	647,416 (28.4)	27.2	11.1	18.8	36.3	21.3	17.0	3.7	3.4	0.0	-0.4	1.0	169.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	310,898 (13.6)	42.1	18.5	17.1	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	0.2	1.5	1.3	-18.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	34,553 (1.5)	36.9	22.2	18.6	7.3	21.2	21.8	4.0	3.4	0.3	1.1	-3.9	-23.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	194,763 (8.5)	16.5	48.2	27.5	-51.9	14.3	22.2	7.9	6.2	-1.7	-2.2	-2.5	47.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	46,408 (2.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	1.0	2.4	-6.4	-50.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	119,696 (5.2)	11.0	-	35.2	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.2	-0.1	7.1	0.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	235,078 (10.3)	10.8	30.6	21.6	-57.0	8.6	12.0	2.5	2.4	-0.6	3.3	9.1	61.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	65,462 (2.9)	38.4	19.0	10.0	65.7	5.5	9.6	1.1	1.0	6.9	14.4	13.4	-9.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	51,860 (2.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	10.0	-1.3	109.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	281,367 (12.3)	37.7	18.4	12.8	-12.7	12.1	12.7	-	-	6.8	13.6	15.6	44.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	42,381 (1.9)	3.6	20.2	14.9	-52.4	3.2	4.3	0.6	0.6	1.4	9.7	8.6	-8.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	84,785 (3.7)	0.0	12.2	10.5	-4.5	14.2	13.9	1.7	1.5	-0.5	6.6	22.6	35.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	106,267 (4.7)	46.1	19.8	15.9	-17.5	18.1	20.5	3.5	3.2	2.0	4.8	-2.2	4.4	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	14,918 (0.7)	31.4	19.9	12.8	-10.5	8.2	13.2	1.7	1.8	0.2	14.9	16.4	-10.6	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	11,686 (0.5)	34.1	20.2	12.0	-5.1	7.9	13.9	1.7	1.6	6.1	15.0	14.0	6.3	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,304,302 (57.1)	18.0	7.8	7.8	21.9	39.2	28.6	2.5	1.9	4.1	7.3	5.8	66.8	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	263,787 (11.6)	36.5	14.9	18.9	-0.5	12.6	9.1	1.7	1.6	-2.4	2.2	26.2	94.7	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	157,234 (6.9)	46.5	20.1	19.2	-4.5	11.3	10.9	2.1	2.0	-2.3	5.2	19.8	81.4	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	460,103 (20.2)	38.9	5.1	6.9	67.9	47.9	25.6	2.0	1.5	7.0	12.5	12.8	112.8	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	134,754 (5.9)	97.2	11.2	11.4	17.2	10.3	9.9	1.1	1.1	2.8	6.8	7.4	27.2	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	82,661 (3.6)	4.6	17.2	15.8	-51.0	16.0	16.1	-	-	0.6	4.9	-3.4	-6.4	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	131,337 (5.8)	39.9	140.9	23.6	-11.9	0.5	2.6	0.6	0.6	0.3	8.1	3.5	18.8	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	163,803 (7.2)	35.9	11.1	10.5	1.2	14.3	14.2	1.6	1.4	6.9	15.9	30.1	77.5	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	167,789 (7.4)	0.0	16.2	12.7	13.7	25.1	26.7	3.7	3.1	0.7	2.8	-2.9	40.0	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	52,874 (2.3)	0.0	18.3	14.6	2.4	20.2	23.4	3.4	2.9	1.4	0.3	-	10.1	6.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,976 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.0	3.6	-9.2	-65.8	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	109,776 (4.8)	30.3	35.9	22.3	-75.2	7.8	11.8	2.7	2.5	1.3	8.5	10.2	33.9	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	39,387 (1.7)	34.6	17.6	9.8	41.2	15.4	27.4	2.2	2.3	4.7	10.8	9.5	-12.1	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,362 (0.2)	45.4	18.7	17.6	10.7	20.6	20.3	3.5	3.2	-4.5	10.6	9.8	1.0	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	153 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-1.2	-1.2	-5.3	4.6	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	275,459 (12.1)	0.0	21.4	18.2	15.5	23.9	25.2	4.6	4.1	2.7	3.8	-1.8	84.7	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.